

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST  
Ngày: 29- 7 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Duy Thẩm
2. Ông Nguyễn Văn Thượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 3, ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2022 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp nguyên đơn là bà Đỗ Thị M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H cho bà Đỗ Thị L vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 80.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 02/3/2020, cho bà L vay 10.000.000 đồng;

ngày 07/9/2020, cho bà L vay 10.000.000 đồng; ngày 27/12/2020, cho bà L vay 10.000.000 đồng; ngày 06/02/2022, cho bà L vay 50.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy nợ do bà L viết và ký tên, không thế chấp tài sản, có thỏa thuận tiền lãi bằng miệng là 1%/tháng. Lần vay ngày 06/02/2022, có hứa trả là trong vòng 01 tháng của tổng số tiền vay 80.000.000 đồng. Khi đến hạn trả bà L không trả được số tiền gốc, lãi nào. Nay, bà H yêu cầu bà L trả số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Tại bản tự khai ngày 01/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là bà Đỗ Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền của bà H nhiều lần (02 lần); lần thứ nhất vay 50.000.000 đồng, lần thứ hai vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng vay là 70.000.000 đồng. Khi vay bà không thế chấp tài sản, có viết giấy nợ do bà viết và ký tên. Có thỏa thuận tiền lãi bằng miệng là 6%/tháng, có hẹn thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày 06/02/2022. Bà có đóng lãi đủ cho bà H mỗi tháng là 4.200.000 đồng/70.000.000 đồng, khi đóng lãi không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Qua các giấy nợ mà bà được Tòa án cho xem thì bà thừa nhận là chữ viết, chữ ký của bà, trong 03 lần vay 10.000.000 đồng, bà đã trả được 10.000.000 đồng chỉ còn nợ 20.000.000 đồng và lần vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Ngày 09/5/2022, bà H đến nhà bà lấy của bà 01 cái cân nướng độ mủ và 01 sợi dây chuyền 24K trọng lượng 05 chỉ. Nay, bà H yêu cầu bà trả số tiền vay gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định bà không đồng ý vì bà chỉ còn nợ bà H 70.000.000 đồng, bà H đã lấy tài sản của bà xem như đã cần trừ xong nợ.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Đỗ Thị L trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bà H là bà Đỗ Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà M.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H cho bà Đỗ Thị L vay tiền nhiều lần tổng cộng là 80.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi, không thế chấp tài sản, có thỏa thuận thời hạn trả 01 tháng kể từ ngày 06/02/2022, đến hạn trả bà L không trả nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các giấy mượn tiền ghi ngày 02/3/2020, bà L vay 10.000.000 đồng; ngày 07/9/2020, bà L vay 10.000.000 đồng; ngày 27/12/2020, bà L vay 10.000.000 đồng; ngày 06/02/2022, bà L vay 50.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy nợ do bà L viết và ký tên. Bà L thừa nhận có vay khoảng vay 80.000.000 đồng, sau đó bà đã trả được 10.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà H 70.000.000 đồng. Các giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp là chữ viết, chữ ký của bà. Bà H cho rằng từ ngày vay đến nay, bà L chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Bà L cho rằng đã trả cho bà H được 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng là 4.200.000 đồng/70.000.000 đồng. Khi trả tiền gốc, lãi không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến, bà H không thừa nhận có nhận số tiền gốc, lãi từ bà L. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà Đỗ Thị L có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000 đồng, yêu cầu của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà L trình bày vào ngày 09/5/2022, bà H đến nhà bà lấy 01 cái cân nướng mủ và giạt 01 sợi dây chuyền 24K trọng lượng 05 chỉ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà L nên lời trình bày của bà L không có căn cứ chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2022), Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy mượn tiền không có ghi thỏa thuận lãi, bà L cho rằng vay có thỏa thuận lãi bằng miệng là 6%/tháng, bà H trình bày có thỏa thuận lãi bằng miệng là 1% /tháng. Xác định hợp đồng vay giữa bà H, bà L là vay có tính lãi, có thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày 06/02/2022. Sau thời hạn trả, bà L không trả được cho bà H nên tiền lãi sẽ được tính kể từ ngày 06/02/2022 cho đến nay. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu này của

nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà L trình bày đã trả lãi cho bà H được mỗi tháng là 4.200.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà H không thừa nhận nên lời trình bày của bà H về việc trả lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Việc tính lãi được tính như sau:

$80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 3.829.000 \text{ đồng}.$

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Đỗ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 83.829.000 (tám mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Trong đó, tiền gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, tiền lãi là 3.829.000 (ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án (bà Đỗ Thị L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Bà Đỗ Thị L phải chịu 4.191.000 (bốn triệu một trăm chín mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H số tiền 2.066.000 (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007388 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Thị Xuân Lan**